

Số : 02 /BG-HCQT

Cà Mau, ngày 12 tháng 03 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp Vải cho Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

- Địa chỉ: Số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Hành chính quản trị - Bộ phận đấu thầu

- Điện thoại: 02916 270 029

- Địa chỉ mail: bvdkbaclieu@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: bvdkbaclieu@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 12 tháng 03 năm 2026 đến trước 17h ngày 25 tháng 03 năm 2026. (trừ các ngày nghỉ, lễ)

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 03 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa theo bảng sau: (Phụ lục).

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu (số 06, Nguyễn Huệ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau).

3. Các thông tin khác: không.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, HCQT.

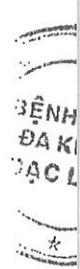
GIÁM ĐỐC *Trần Quốc Sử*
TRƯỞNG PHÒNG GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẠC LIÊU
SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU
*
Trần Quốc Sử



**PHỤ LỤC: DANH MỤC CUNG CẤP VẢI CHO
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẠC LIÊU NĂM 2026**

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ, hãng sản xuất, ký, mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
01	Vải xi xanh	Vải xi xanh (hoặc tương đương) - Màu xanh cỏ vịt -Thành phần nguyên liệu: ± 87,6% Polyester, ± 12,4% Cotton (Bông) Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-11:2009. - Mật độ (sợi/inch): Dọc: ±102, Ngang: ±47 Phương pháp thử: TCVN 1753:1986 - Khở rộng (cm): ≥ 153 (hoặc 1,6m) Phương pháp thử: TCVN 7834:2007 - Khối lượng thực tế (g/m ²): ± 194 Phương pháp thử: TCVN 8042:2009 - Khả năng ngấm ướt của vải (S): ± 1 Phương pháp thử: AATCC 79-2018 - Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): 4-5 Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): Khô: 4-5, Âm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với ma sát (cấp): Khô: Dọc 4-5 ngang 4-5, Ướt: Dọc 4-5 ngang 4-5 Phương pháp thử: TCVN 4538:2007 - Thay đổi kích thước sau giặt (%): Dọc: -1,0, Ngang: 0 Phương pháp thử: AATCC 135-2018 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện. Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011 Khở 1,6m	Việt Nam	Mét	1	
02	Vải xi trắng	Vải xi trắng (hoặc tương đương) - Màu trắng tinh -Thành phần nguyên liệu: ± 87,6% Polyester, ± 12,4% Cotton (Bông) Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-11:2009. - Mật độ (sợi/inch): Dọc: ± 102, Ngang: ± 47 Phương pháp thử: TCVN 1753:1986 - Khở rộng (cm): ≥ 120 (hoặc 1,2m) Phương pháp thử: TCVN 7834:2007 - Khối lượng thực tế (g/m ²): ± 194 Phương pháp thử: TCVN 8042:2009	Việt Nam	Mét	1	

		<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng ngấm ướt của vải (S): ± 1 Phương pháp thử: AATCC 79-2018 - Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): 4-5 Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với chất tẩy (Cấp): Khô: 4-5, Ấm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử: ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với ma sát (cấp): Khô: Dọc 4-5 ngang 4-5, Ướt: Dọc 4-5 ngang 4-5 Phương pháp thử: TCVN 4538:2007 - Thay đổi kích thước sau giặt (%): Dọc: -1,0, Ngang: 0 Phương pháp thử: AATCC 135-2018 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không phát hiện. Phương pháp thử: ISO 14184-1:2011 Khổ 1,2m 				
03	Vải thun trắng	<p>Vải thun trắng (hoặc tương đương)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu trắng tinh- -Thành phần nguyên liệu: $\pm 100\%$ Cotton (Bông) Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 - Mật độ: Hàng vòng/10cm: ± 166, Cột vòng/10cm: ± 130 Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (2008) - Khổ rộng (cm): ≥ 160 Phương pháp thử:ISO 22198:2006 - Khối lượng thực tế (g/m^2): ± 266 Phương pháp thửASTM D3776/D3776M-20 - Độ nhòe sợi tách ra từ vải (Ne): $\pm 31,0/2$ Phương pháp thử:ASTM D1059-17 - Độ dày của vải (mm): $\pm 0,69$ Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ; Khô: 4-5, Ấm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử: ISO 105-X11:1994 Khổ 1,6m 	Việt Nam	Mét	1	
04	Vải thun xanh bóng	<p>Vải thun xanh bông (hoặc tương đương)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu xanh dương- -Thành phần nguyên liệu: $\pm 95\%$ Polyester; $\pm 5\%$ Spandex - Đặc điểm bề mặt: Bề mặt trơn, mịn, bóng nhẹ (đặc biệt dưới ánh nắng), tạo cảm giác mát lạnh khi sờ. Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 - Mật độ: Hàng vòng/10cm: ± 166, Cột vòng/10cm: ± 130 Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (2008) - Khổ rộng (cm): ≥ 160 Phương pháp thử:ISO 22198:2006 - Khối lượng thực tế (g/m^2): ± 266 Phương pháp thửASTM D3776/D3776M-20 - Độ nhòe sợi tách ra từ vải (Ne): $\pm 31,0/2$ Phương pháp thử:ASTM D1059-17 - Độ dày của vải (mm): $\pm 0,69$ Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với là, ép nóng 150°C (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ 	Việt Nam	Mét	1	



		<p>Khô: 4-5, Âm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử:ISO 105-X11:1994 Khổ 1,6m</p>				
05	Vải thun xanh xốp	<p>Vải thun xanh xốp (hoặc tương đương) - Màu xanh dương- -Thành phần nguyên liệu: 98% Polyester và 2% Spandex - Đặc điểm bề mặt: Mềm mượt, không gây kích ứng da, nhanh khô, kháng khuẩn. - Cấu trúc: Dệt đan các sợi tổng hợp tạo ra bề mặt hơi nhăn tự nhiên, xốp, có khoảng không khí giúp thông thoáng. Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 - Mật độ: Hàng vòng/10cm: 166, Cột vòng/10cm: ± 130 Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (2008) - Khổ rộng (cm): ≥ 160 Phương pháp thử:ISO 22198:2006 - Khối lượng thực tế (g/m²): ± 266 Phương pháp thửASTM D3776/D3776M-20 - Độ nhòe sợi tách ra từ vải (Ne): ± 31,0/2 Phương pháp thử:ASTM D1059-17 - Độ dày của vải (mm): ± 0,69 Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với là, ép nóng 150^oC (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ Khô: 4-5, Âm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử:ISO 105-X11:1994 Khổ 1,6m</p>	Việt Nam	Mét	1	
06	Vải thun xanh biển trơn	<p>Vải thun xanh biển trơn (hoặc tương đương) Màu xanh biển – -Thành phần nguyên liệu: ± 100% Cotton (Bông) hoặc 95-96% Cotton + 4-5% Spandex (4 chiều, co giãn tốt). -Đặc điểm: Chống nước tốt, nhẹ, bền, ít nhăn, nhưng có thể gây cảm giác bí khi vận động mạnh do bản chất sợi không hút nước sâu. Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 - Mật độ: Hàng vòng/10cm: 166, Cột vòng/10cm: ± 130 Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (2008) - Khổ rộng (cm): ≥ 160 Phương pháp thử:ISO 22198:2006 - Khối lượng thực tế (g/m²): ± 250 Phương pháp thửASTM D3776/D3776M-20 - Độ nhòe sợi tách ra từ vải (Ne): ± 31,0/2 Phương pháp thử:ASTM D1059-17 - Độ dày của vải (mm): ± 0,69 Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với là, ép nóng 150^oC (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ Khô: 4-5, Âm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử:ISO 105-X11:1994 Khổ 1,6m</p>	Việt Nam	Mét	1	



07	Vải thun xanh hình gấu	<p>Màu xanh biển nhạt, có hoa văn hình gấu hoặc tương tự</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành phần nguyên liệu: ± 100% Cotton (Bông) Phương pháp thử: ISO/TR 11827:2012 - Mật độ: Hàng vòng/10cm: ± 166, Cột vòng/10cm: ± 130 Phương pháp thử: ASTM D3887-96 (2008) - Khổ rộng (cm): ≥ 160 Phương pháp thử:ISO 22198:2006 - Khối lượng thực tế (g/m²): ± 250 Phương pháp thửASTM D3776/D3776M-20 - Độ nhòe sợi tách ra từ vải (Ne): ± 31,0/2 Phương pháp thử:ASTM D1059-17 - Độ dày của vải (mm): ± 0,69 Phương pháp thử:ISO 105-N01:1993 - Độ bền màu với là, ép nóng 150^oC (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ Khô: 4-5, Ẩm: 4-5, Ướt: 4-5 Phương pháp thử:ISO 105-X11:1994 Khổ 1,6m 	Việt Nam	Mét	1	
08	Vải ka tê vàng	<p>Vải Kate vàng (hoặc tương đương)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chất liệu: Kate Silk (lụa/nhung) hoặc Kate ± 65/35 (± 65% polyester, ± 35% cotton). -Đặc điểm: Mềm mại, bền màu, ít xô lệch, chịu được giặt hấp, co rút ít. -Độ bền màu với là, ép nóng 150^oC (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ Khô: 4-5, Ẩm: 4-5, Ướt: 4-5 -Khổ vải: khổ 1m6 -Màu sắc: vàng - Phương pháp thử: ISO hoặc TCVN 	Việt Nam	Mét	1	
09	Vải cotton lạnh hồng phần đậm	<p>Vải cotton lạnh hồng phần đậm(hoặc tương đương)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chất liệu: hỗn hợp của cotton (khoảng 35-65%) và polyester (khoảng 35-65%), với một lượng nhỏ spandex (khoảng 2-5%) để tăng độ co giãn. -Đặc điểm: Mềm mịn, mát lạnh, ít nhăn, co giãn nhẹ, giữ form, thoáng khí tốt và thấm hút mồ hôi cao. - Khối lượng: ≥ 151 g/m² -Mật độ sợi: ± 252x264 sợi/10cm - Độ bền màu với là, ép nóng 150^oC (cấp), thay đổi màu sau 4 giờ Khô: 4-5, Ẩm: 4-5, Ướt: 4-5 -Khổ vải: khổ 1m6 -Màu sắc: Hồng phần đậm - Phương pháp thử: ISO hoặc TCVN 	Việt Nam	Mét	1	